

Số: **898** /QĐ-SVHTT

Hà Nội, ngày **22** tháng **9** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật di sản văn hóa số 28/2001-QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của ông Đỗ Văn Hiếu tại đơn xin đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đề ngày 28/8/2023; Biên bản giám định hiện vật số 04/BB-HĐGD ngày 08/9/2023 của Hội đồng giám định hiện vật phục vụ công tác đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Di sản văn hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho 192 (một trăm chín mươi hai) di vật, cổ vật là các tài liệu (sách cổ), hiện vật, tiêu bản cây thuốc do ông Đỗ Văn Hiếu (ở địa chỉ số 19 ngõ 71 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội) đề nghị đăng ký với Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội (có danh mục kèm theo).



Điều 2. Quyền và nghĩa vụ đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được đăng ký của ông Đỗ Văn Hiểu thực hiện theo Luật Di sản văn hoá năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá; Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; cùng các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Sở, Trưởng Phòng Quản lý Di sản văn hoá và ông Đỗ Văn Hiểu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3 (đề t/h);
- Bộ VHTT&DL;
- UBND Thành phố; (đề b/c)
- Cục Di sản văn hoá;
- Ban Giám đốc Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, QLDSVH (08). ✓

GIÁM ĐỐC






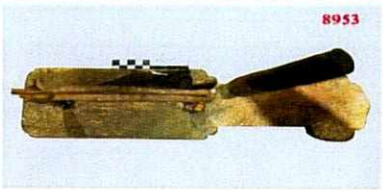





Đỗ Đình Hồng













**DANH MỤC HIỆN VẬT ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA
VỚI SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỦA ÔNG ĐỒ VĂN HIỂU**






(Kèm theo Biên bản giám định số 04/BB-HĐGD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của HĐ giám định hiện vật và Quyết định số 898 /QĐ-SVHTT ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)





Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
01	8949-8950	Bộ bàn ghế bát mạch kê đơn	Bộ bàn ghế chất liệu gỗ, mặt bàn phẳng hình chữ nhật, 4 chân cao, 2 cạnh bên soi gờ kê chỉ, chính giữa khắc lõm 2 hình thoi đan vào nhau. Cạnh trước bộ 2 hàng 3 cột hình chữ nhật ngang, ô giữa diềm dưới khoét tròn tạo hình bán nguyệt. Ghế tựa 4 chân cao, mặt ghế phẳng soi các gờ, lưng tựa là 2 thanh gỗ dài nối thẳng từ 2 chân ghế sau, bắt mộng vào mặt ghế, trên cùng tạo thanh tựa khum nối 2 đầu thanh gỗ, khoảng giữa lưng tựa có 3 thanh gỗ song song nối 2 thanh bên, và khoảng dưới mặt ghế có 4 thanh gỗ nối các chân ghế với nhau tạo sự kết nối chắc chắn. Bộ Bàn ghế được dùng để bát mạch kê đơn cho người bệnh.	02	Gỗ	Bàn: 60x110 Cao: 78 Ghế: 37x41 Cao: 86	Ghế sứt, mặt mảnh, đã ngả màu	Thế kỷ 20	
02	8951	Tủ sách	Tủ sách chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, tạo tạc 4 chân ngắn hình trụ vuông, thân trang trí mặt trước, các mặt bên soi gờ để mộc. Nóc tủ phẳng, thắt cổ bồng giạt cấp, tạo các gờ đơn giản. 4 diềm xung quanh và các gờ giữa thân mặt trước tủ kẻ các đường thẳng song song. Tủ chia 2 phần trên và dưới. Phần trên tủ có mặt trước thu lõm vào trong, trên có diềm, mặt soi gờ, bộ 5 ô chữ nhật đối xứng nhau, ô chính giữa là cửa bản lề có gắn núm khuyên tròn. Giữa tủ có 2 gờ ngang chia phần trên với phần dưới, lòng bộ ô chính giữa là ô hình chữ nhật để tron, 2 ô bên cạnh là ngăn kéo tủ có núm khuyên tròn gắn trên 3 hình thoi chạm nổi lồng vào nhau, ngoài cùng là 2 ô vuông chạm nổi hoa mai 2 lớp cánh. Phần dưới tủ soi gờ kê chỉ tạo 4 ô hình chữ nhật. 2 ô giữa là cánh tủ bản lề có gắn núm khuyên tròn.	01	Gỗ	Cao: 129 Sâu: 53 Rộng: 139	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
03	8952	Bàn bốc thuốc	Bàn bốc thuốc, màu cánh gián, dạng hình hộp chữ nhật, đế sát mặt sàn, lồng rỗng, các mặt bộ ô hình chữ nhật, soi gờ chỉ đơn giản. Mặt trong tạo các cánh cửa và các ô để đặt thuốc. Toàn thân tủ được đánh vecni màu cánh dán.	01	Gỗ	Cao: 95 Mặt: 68x240	Nguyên	Thế kỷ 21	





Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
04	8953	Dao cầu	Dao cầu, thân dao chất liệu kim loại, chuôi dao bằng catut đạn, bàn gấn dao là mặt gỗ phẳng, tạo tác với phần bàn gấn dao hình chữ nhật vát góc, phần cán dài, nhỏ hơn và phần chuôi tạo dáng hoa 3 cánh. Phần bàn rộng gấn 2 giá sắt, một đầu lắp đinh chốt lưỡi dao, giá còn lại là 2 thanh sắt dẹt, có khe giữa để đặt lưỡi dao. Dao cầu dùng để thái các vị thuốc cứng và yêu cầu thái phiến.	01	Gỗ, kim loại	Đế: 41x11,2 Dao: Dài: 17, Cao: 20	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
05	8954	Cối cắt hạt sen	Cối cắt hạt sen chất liệu gỗ, dạng hình trụ tròn, đế choãi, cổ phình, miệng loe, gờ miệng gỗ ghè có nhiều rãnh để đặt hạt sen và có nhiều vết cắt do dao, lòng khoét rộng dạng bán nguyệt là nơi để hạt sen đã chặt.	01	Kim loại	ĐKM: 21 ĐKĐ: 25,5 Cao: 17,5	Nguyên	Cuối thế kỷ 19	
06	8955	Tủ thuốc	Tủ thuốc, màu cánh gián, hình hộp chữ nhật, chất liệu gỗ, phần trên gồm 9 hàng ngang và 8 cột dọc là các học tủ hình chữ nhật ngang có núm tròn chính giữa, là nơi đặt các vị thuốc thành phẩm. Phần dưới tủ là 4 bộ cánh cửa có núm tròn để đóng mở, là nơi cất những hũ đựng thuốc lớn. Toàn thân tủ được đánh vecni màu cánh dán.	01	Gỗ	Cao: 215 Sâu: 45 Rộng: 245	Nguyên	Thế kỷ 21	
07	8956	Tủ thuốc	Tủ thuốc, hình hộp chữ nhật, chất liệu gỗ, sơn then thép vàng, 4 chân quỳ. Mặt bô ô gồm cánh kính, 2 cánh bên sơn son, sơn then thép vàng, điểm chạm thủng hoa lá dây. 2 cánh bên vẽ trang trí sơn thép đề tài tứ quý (tùng cúc trúc mai)	01	Gỗ	Cao: 122 Sâu: 46 Rộng: 165	Nguyên	Cuối Thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20	
08	8957	Khuôn gói thuốc	Khuôn gói thuốc, hình chữ nhật, chất liệu gỗ, gồm 4 thanh gỗ dẹt 2 thanh dài và 2 thanh ngắn hơn, ghép với nhau theo phương đứng bằng các mộng và đinh gỗ, chính giữa 4 vách ngoài tạo 4 vết lõm hình bán nguyệt là nơi đặt dây và cố định dây để gói thuốc.	01	Gỗ	Dài: 28,5 Rộng: 23,5 Cao: 4,5	Nguyên	Những năm 90 của Thế kỷ 20	
09	8958	Khuôn gói thuốc	Khuôn gói thuốc, hình vuông, chất liệu gỗ, gồm 4 thanh gỗ dẹt kích thước giống nhau ghép với nhau theo phương đứng bằng các mộng và đinh gỗ, chính giữa 4 vách ngoài tạo 4 vết lõm hình bán nguyệt là nơi đặt dây và cố định dây để gói thuốc.	01	Gỗ	Dài: 16,7 Rộng: 17 Cao: 7,2	Nguyên	Những năm 90 của Thế kỷ 20	






Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
10	8959-8961	Bộ bàn chia viên	Bộ bàn chia viên gồm: khay đựng, thanh cắt viên, bàn xoa viên, chất liệu gỗ. Khay đựng hình hộp chữ nhật, 4 cạnh tạo các gờ thấp, không có nắp, một nửa để trơn, một nửa gắn mảnh gỗ tạo 10 rãnh bán nguyệt đều nhau ứng với 10 rãnh bán nguyệt trên bàn xoa viên. Bàn xoa viên là miếng gỗ phẳng, hai đầu thu nhỏ là nơi để cầm tạo lực xuống bàn xoa, giữa phình to tạo bàn gắn mảnh gỗ có rãnh bán nguyệt. Thanh cắt viên là miếng gỗ phẳng hình chữ nhật. Bộ bàn chia viên sử dụng để tạo các viên thuốc tròn thành phẩm.	02	Gỗ	Khay: 25,3x45,7; Cao: 5 Thanh cắt: Dài 56, Rộng: 13 Bàn xoa: Dài 14,5,	Nguyên	Những năm 90 của Thế kỷ 20	 8959 - 8960 - 8961
11	8962-8663	Cối và chày giã thuốc	Bộ cối giã thuốc gồm cối và chày, chất liệu gỗ. Cối là miếng gỗ liền khối với phần gờ miệng dày tạo hình ô van cắt hai đầu đều nhau, khum dần về giữa, chính giữa lòng tạo lỗ khoét sâu là nơi đặt thuốc cần giã. Chày là thanh gỗ liền khối hình trụ tròn, hai đầu loe tạo đầu giã thuốc, giữa thu nhỏ tạo tay cầm.	02	Gỗ	Chày: 32 Cối: Cao 14,5, Miệng 19x20,5	Gờ miệng có vết dao chặt	Những năm 90 của Thế kỷ 20	 8962-8663
12	8964	Dao chặt hạt sen	Dao chặt hạt sen gồm phần cán bằng gỗ tròn và phần lưỡi bằng kim loại dẹt gắn liền nhau. Dao cùng cối dùng để chặt hạt sen - là một vị thuốc trong Đông y.	01	Gỗ, Kim loại	Dài: 38,5 Rộng lưỡi: 5	Lưỡi dao han gỉ	Những năm 90 của Thế kỷ 20	 8964
13	8965	Bào thuốc	Bào thuốc với thân làm bằng gỗ, dạng hình hộp chữ nhật rỗng bên trong, trên mặt gắn lưỡi bào bằng kim loại, sử dụng để bào các vị thuốc trong Đông y.	01	Gỗ, Kim loại	Dài: 33 Rộng: 14,5 Cao: 11	Dao bào han gỉ	Cuối Thế kỷ 19 đầu Thế kỷ 20	 8965
14	8966	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng rỗng chia 2 ngăn, với ngăn trên nông tạo gờ chia các ô đặt các vị thuốc nhỏ, ngăn dưới đặt các dụng cụ khám chữa bệnh và các vị thuốc to hơn. Mặt ngoài sơn then phủ bóng, mặt trong sơn son, trên nắp vẽ trang trí thếp vàng hình cuốn thư, lòng cuốn thư vẽ 4 chữ Hán, xung quanh là hoa mai, diềm vẽ bằng hoa văn chữ Vạn xen bông hoa cánh chuồn. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại.	01	Gỗ	Dài: 35,5 Rộng: 20,5 Cao: 18,5	Bong tróc sơn thếp	Cuối thế kỷ 19	 8966







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
15	8967	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng rỗng chia 2 ngăn, với ngăn trên nông tạo gờ chia các ô đặt các vị thuốc nhỏ, ngăn dưới đặt các dụng cụ khám chữa bệnh và các vị thuốc to hơn. Mặt ngoài sơn then phủ bóng, mặt trong sơn son, trên nắp nền sơn then vẽ trang trí thép vàng phong cảnh hoa lá, cây cối, 2 bên mỗi bên vẽ 5 chữ Hán, xung quanh vẽ diềm hoa văn lá lật, diềm ngoài chạm nổi băng hoa văn triện móc. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại.	01	Gỗ	Dài: 34,5 Rộng: 19,2 Cao: 17,5	Bong tróc sơn thép	Cuối thế kỷ 19	 8967
16	8968	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng rỗng chia 2 ngăn, với ngăn trên nông tạo gờ chia các ô đặt các vị thuốc nhỏ, ngăn dưới đặt các dụng cụ khám chữa bệnh và các vị thuốc to hơn. Mặt trong và mặt ngoài đều được sơn son để trơn không trang trí. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại.	01	Gỗ	Dài: 31,3 Rộng: 18,2 Cao: 15,7	Gãy bản lề, bong tróc sơn thép	Cuối thế kỷ 19	 8968
17	8969	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc chất liệu gốm, gồm nắp và thân ấm, đáy liền thân. Thân ấm với miệng vênh tròn, thân phình, vai đắp quai cầm hình vòng cung liền thân, dưới 1 bên quai là vòi, hai bên còn lại của vai gắn núm ngang nhỏ. Đáy và thân dưới có vết muội than do đã dùng để sắc thuốc.	01	Gốm	Cao: 17 ĐKM: 7,4 ĐKN: 9,5	Nguyên	Thế kỷ 19- 20	 8969
18	8970	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc chất liệu gốm, mất nắp, đáy liền thân, màu đen. Thân ấm với miệng vênh tròn, thân phình, vai đắp quai cao hình vòng cung liền thân, dưới 1 bên quai là vòi, hai bên còn lại của vai gắn núm ngang to. Toàn thân có vết muội than do đã dùng để sắc thuốc.	01	Gốm	Cao: 17 ĐKM: 5,5 ĐKĐ: 11,5	Mất nắp	Thế kỷ 19- 20	 8970
19	8971	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc chất liệu gốm, mất nắp, đáy liền thân, màu vàng. Thân ấm với miệng vênh tròn, thân phình, vai đắp 2 quai ngang, giữa 2 quai là vòi. Ấm sử dụng để sắc các vị thuốc Đông y.	01	Đất nung	Cao: 15 ĐKM: 8,2	Mất nắp	Thế kỷ 19- 20	 8971






Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
20	8972	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc chất liệu gốm, gồm nắp và thân ấm, đáy liền thân. Nắp hình chóp cụt. Gò miệng vê tròn, thân phình, vai gắn vòi. Đáy và thân dưới có vết muội than do đã dùng để sắc thuốc.	01	Đất nung	Cao: 18 ĐKM: 10,2 ĐKN: 13,1	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
21	8973	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc chất liệu đất nung, gồm ấm và nắp, đáy liền thân, thân đắp 1 quai cầm hình trụ tròn và 1 vòi dài nhỏ, thân không đắp núm. Nắp ấm phẳng, mặt trên chính giữa có núm nhỏ, mặt dưới có gờ nắp khớp với gờ miệng. Ấm dùng để sắc các vị thuốc Đông y.	01	Đất nung	Cao: 11 ĐKM: 10 ĐKN: 11,5	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
22	8974	Bình hãm thuốc	Bình hãm thuốc chất liệu kim loại, gồm ấm và nắp, đáy liền thân, thân phình, miệng khum, gờ miệng đúc lõm khớp với vành nắp, nắp tròn có núm cao. Vai đắp quai cầm hình vòng cung liền thân, dưới 1 bên quai là vòi, nửa thân trên ấm trang trí các băng chấm tròn nổi sạt gờ miệng. Xuất xứ Nhật.	01	Kim loại	Cao: 15 ĐKM: 9,5 ĐKĐ: 8,5	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
23	8975	Ấm hãm thuốc	Ấm hãm thuốc, chất liệu sành, gồm ấm và nắp, đáy liền thân, thân đắp 2 quai ngang có lỗ tròn ở giữa để xỏ quai cầm hình vòng cung bằng kim loại, dưới 1 quai là vòi ấm. Nắp ấm tròn, khum lại vừa với miệng ấm.	01	Sành	Cao: 16 ĐKM: 5,5 ĐKĐ: 5,5	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
24	8976	Ấm hãm thuốc	Ấm hãm thuốc, chất liệu sành, mắt nắp và quai cầm, thân phình, miệng khum, gờ miệng vê tròn, hai bên vai gắn 2 tai ngang, chính giữa có lỗ tròn để xỏ quai cầm, dưới 1 bên quai gắn vòi	01	Sành	Cao: 14,7 ĐKM: 7 ĐKĐ: 10,5	Mắt nắp, mắt quai	Thế kỷ 19-20	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
25	8977	Ấm hãm thuốc	Ấm hãm thuốc, chất liệu sành, gồm ấm và nắp, thân hình thuôn dần về đáy, miệng khum, gờ miệng vê tròn, hai bên vai gắn 2 núm ngang vê cao ở giữa tạo lỗ tròn nhỏ, 2 bên còn lại 1 bên gắn vòi, 1 bên gắn quai cầm dạng đầu rồng cách điệu. Xung quanh miệng đắp vòng tròn nổi. Nắp khum tròn vừa với miệng ấm, trên đỉnh có núm cầm dạng tròn.	01	Sành	Cao: 21,5 ĐKM: 9,5 ĐKĐ: 11 ĐKN: 13	Nguyên	Thế kỷ 9-10	
26	8978	Cân tiểu ly	Cân tiểu ly cầm tay, gồm cán dài bằng sừng trên vạch các đường tương ứng chỉ số trọng lượng. Quả cân hình hộp chữ nhật vát các góc bằng kim loại đầu trên có núm tròn nhỏ được khoan 1 lỗ xỏ dây treo lên cán nhằm xác định trọng lượng của vật đặt trong đĩa cân. Đĩa cân hình tròn làm bằng kim loại, 4 góc tạo 4 lỗ xỏ 4 dây đều nhau được chụm lại treo lên móc được cố định trên phần đầu cán cân, cách 1 khoảng là 2 lỗ xỏ 2 dây cầm, khi cân ta cầm dây này đặt đồ vào đĩa cân và dịch chuyển quả cân trên cán. Toàn bộ cân được đặt trong hộp gỗ đẽo thủ công gồm phần nắp ở trên và phần dưới đục rỗng theo kích thước, hình dạng đĩa cân, cán cân và 1 lỗ đặt quả cân.	01	Sừng, kim loại	Cán: Dài 33; ĐK đĩa cân: 8 Quả cân: 2,8x1,5	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
27	8979	Cân tiểu ly	Cân tiểu ly cầm tay, gồm cán dài bằng ngà trên vạch các đường tương ứng chỉ số trọng lượng. Quả cân bằng kim loại, hình chữ nhật dẹt vát các góc, đầu trên có núm tạo 1 lỗ xỏ dây treo lên cán nhằm xác định trọng lượng của vật đặt trong đĩa cân. Đĩa cân hình tròn làm bằng kim loại, 4 góc tạo 4 lỗ xỏ 4 dây đều nhau được chụm lại treo lên móc cố định hình bông hoa 6 cánh gắn ở phần đầu cán cân, cách 1 khoảng là 2 lỗ xỏ 2 dây cầm, khi cân ta cầm dây này đặt đồ vào đĩa cân và dịch chuyển quả cân trên cán. Toàn bộ cân được đặt trong hộp gỗ đẽo thủ công gồm phần nắp ở trên và phần dưới đục rỗng theo kích thước, hình dạng đĩa cân, cán cân và 1 lỗ đặt quả cân.	01	Ngà, kim loại	Cán: Dài 29,5; ĐK đĩa cân: 13 Quả cân: 2,8x2	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
28	8980	Cân tiểu ly	Cân tiểu ly cầm tay, gồm cán dài bằng ngà trên vạch các đường tương ứng chỉ số trọng lượng. Quả cân bằng kim loại, hình hộp chữ nhật, đầu trên có núm tạo 1 lỗ xỏ dây treo lên cán nhằm xác định trọng lượng của vật đặt trong đĩa cân. Đĩa cân hình tròn làm bằng kim loại, 4 góc tạo 4 lỗ xỏ 4 dây đều nhau được chụm lại treo lên móc cố định gắn ở phần đầu cán cân, cách 1 khoảng là 2 lỗ xỏ 2 dây cầm, khi cân ta cầm dây này đặt đồ vào đĩa cân và dịch chuyển quả cân trên cán. Toàn bộ cân được đặt trong hộp gỗ đẽo thủ công gồm phần nắp ở trên và phần dưới đục rỗng theo kích thước, hình dạng đĩa cân, cán cân và 1 lỗ đặt quả cân.	01	Ngà, kim loại	Cán: Dài 30,7; ĐK đĩa cân: 7,8 Quả cân: Cao 2,3, ĐK: 1,8	Hộp đựng bị vỡ, mất mảnh phần đặt quả cân và đĩa cân, mất móc treo trên cán	Đầu thế kỷ 20	



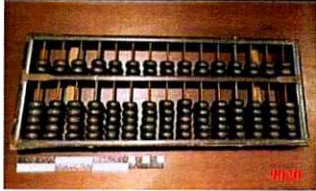



Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
29	8981	Cân tiểu ly	Cân tiểu ly cầm tay, gồm cán dài bằng ngà trên vạch các đường tương ứng chỉ số trọng lượng. Quả cân bằng kim loại, hình trái xoan dẹt, đầu trên tạo 1 lỗ xỏ dây treo lên cán. Đĩa cân hình tròn làm bằng kim loại, 4 góc tạo 4 lỗ xỏ 4 dây đều nhau được chụm lại treo lên móc cố định gắn ở phần đầu cán cân, cách 1 khoảng là 2 lỗ xỏ 2 dây cầm, khi cân ta cầm dây này đặt đồ vào đĩa cân và dịch chuyển quả cân trên cán. Toàn bộ cân được đặt trong hộp gỗ đẽo thủ công gồm phần nắp ở trên và phần dưới đục rỗng theo kích thước, hình dạng đĩa cân, cán cân và 1 lỗ đặt quả cân.	01	Ngà, kim loại	Cán: Dài 22,5; ĐK bàn cân: 6 Quả cân: 1,4x1,2	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
30	8982	Cân tiểu ly	Cân tiểu ly cầm tay, toàn bộ cân làm bằng kim loại, gồm cán dài vạch các đường tương ứng chỉ số trọng lượng. Quả cân hình trụ tròn, đầu trên tạo 1 lỗ xỏ dây treo lên cán nhằm xác định trọng lượng của vật đặt trong đĩa cân. Đĩa cân hình lóng máng, 3 góc tạo 3 lỗ xỏ 3 dây xích đều nhau được chụm lại treo lên móc cố định gắn ở phần đầu cán cân, dọc phần đầu cán cân có 2 phần tạo hình chữ nhật có chốt xỏ dây cầm gắn nút đỏ và xanh ngược chiều nhau, khi cân ta cầm dây này đặt đồ vào đĩa cân và dịch chuyển quả cân trên cán.	01	Kim loại	Cán: Dài 25,4; ĐK đĩa cân: 12,4x9,3 Quả cân: Cao 2,5 ĐK 17	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
31	8983	Cân tiểu ly	Cân tiểu ly cầm tay, gồm cán dài bằng sừng trên vạch các đường tương ứng chỉ số trọng lượng. Quả cân hình hộp chữ nhật vát các góc bằng kim loại đầu trên có nút tròn nhỏ cổ thắt để buộc dây treo lên cán nhằm xác định trọng lượng của vật đặt trong đĩa cân. Đĩa cân hình tròn làm bằng kim loại, 4 góc tạo 4 lỗ xỏ 4 dây đều nhau được chụm lại buộc vào đầu móc được gắn với trên phần đầu cán cân bọc kim loại, cách 1 khoảng là 2 lỗ xỏ 2 dây cầm, khi cân ta cầm dây này đặt đồ vào đĩa cân và dịch chuyển quả cân trên cán. Toàn bộ cân được đặt trong hộp gỗ đẽo thủ công gồm phần nắp ở trên và phần dưới đục rỗng theo kích thước, hình dạng đĩa cân, cán cân và 1 lỗ đặt quả cân.	01	Sừng và Kim loại	Cán: Dài 26,7; ĐK đĩa cân: 8 Quả cân: 3x1,5	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
32	8984	Cối giã thuốc	Cối giã thuốc chất liệu đá nguyên khối, hình trụ tròn, miệng loe, thành vát, thôn dần về đáy, đế bằng, đế trơn.	01	Đá	Cao: 10 ĐKM: 13,2 ĐKĐ: 11	Nguyên	Thế kỷ 19	


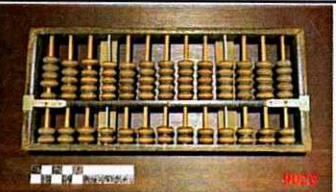




Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
33	8985- 8986	Cối và chày giã thuốc	Cối và chày giã thuốc chất liệu đá nguyên khối, hình trụ tròn, miệng loe, thành vát, thuôn dần về đáy, đế bằng, để trơn. Chày hình trụ tròn, phần tay cầm nhỏ loe dần về phần đầu tròn dùng giã thuốc	02	Đá	Chày: dài 14,7 Cối: Cao: 11 ĐKM: 15 ĐKĐ: 10,3	Nguyên	Thế kỷ 19	
34	8987- 8988	Cối và chày giã thuốc	Cối và chày giã thuốc chất liệu đá, hình trụ tròn, miệng loe, thành vát, thuôn dần về đáy, đế bằng, để trơn. Khoảng giữa thân cối tạo vết lõm xung quanh. Chày ngắn hình trụ tròn, phần tay cầm nhỏ loe dần về phần đầu tròn dùng giã thuốc.	02	Đá	Chày: 10,3x 4,2 Cối: Cao: 10 ĐKM: 14,5 ĐKĐ: 12,5	Gờ miệng cối có vết sứt	Thế kỷ 19	
35	8989	Cối giã thuốc	Cối giã thuốc chất liệu đá nguyên khối, hình trụ tròn, miệng loe, thành vát, thuôn dần về đáy, đế bằng, để trơn, gờ miệng có 2 tay ngang, dọc thân có các vết chài.	01	Đá	Cao: 8 ĐKM: 12,5 ĐKĐ: 8	Nguyên	Thế kỷ 19	
36	8990- 8991	Cối và chày giã thuốc	Cối và chày giã thuốc chất liệu đá nguyên khối, hình trụ tròn, miệng loe, thành vát, thuôn dần về đáy, đế bằng, để trơn. Chày hình trụ tròn, phần tay cầm nhỏ loe dần về phần đầu tròn dùng giã thuốc	02	Đá	Chày: 15 Cối: Cao: 12 ĐKM: 14 ĐKĐ: 9	Nguyên	Thế kỷ 19	
37	8992	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc, chất liệu gốm, mắt nắp, thân hình miệng khum, vai gắn 5 núm ngang và vôi, thân trang trí vân chài, đáy bằng. Xuất xứ Lò Dương Xá.	01	Gốm	Cao: 13,7 ĐKM: 10 ĐKĐ: 14	Mắt nắp	Thế kỷ 9- 10	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
38	8993	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc, chất liệu đất nung, mắt nắp, thân phình miệng khum, vai đắp nổi 4 núm ngang và vôi, thân trang trí vân chải (vạch thẳng song song), đáy bằng.	01	Đất nung	Cao: 12,5 ĐKM: 9,8 ĐKĐ: 13	Mắt nắp, sứt 2 núm	Thế kỷ 9-10	
39	8994	Ấm sắc thuốc	Ấm sắc thuốc, chất liệu gốm mắt nắp, thân phình miệng khum, vai đắp nổi 4 núm ngang và vôi ngắn, thân khắc chìm hoa văn sóng nước (thủy ba), đáy bằng.	01	Đất nung	Cao: 14 ĐKM: 10,2 ĐKĐ: 14	Mắt nắp, sứt quai, nứt vai và miệng	Thế kỷ 9-10	
40	8995-8996	Thuyền tán thuốc	Thuyền tán thuốc, chất liệu kim loại, gồm thuyền tán và trực tán. Thuyền tán có lòng rỗng, 2 thành vát tạo chữ V, 1 đầu tạo gờ liền với thành thuyền và 1 đầu để hờ dùng đổ thuốc ra khi tán xong, dưới thân thuyền tạo 4 chân choãi. Trực tán hình tròn bằng kim loại, chính giữa tạo lỗ gắn 2 tay cầm gỗ 2 bên là nơi tỳ lực tán thuốc ở lòng thuyền.	02	Kim loại, gỗ	Cao: 14 Dài: 58 Rộng: 14,6 Trục tán: ĐK 20,5	Nguyên	Thế kỷ 19	
41	8997-8998	Thuyền tán thuốc	Thuyền tán thuốc, chất liệu kim loại, gồm thuyền tán và trực tán. Thuyền tán hai đầu đúc cách điệu đầu rồng, thân tạo 4 chân choãi bắt đầu từ gờ dọc theo thân thuyền. Trực tán hình tròn bằng kim loại, chính giữa là 2 tay cầm 2 bên là nơi tỳ lực tán thuốc ở lòng thuyền.	02	Kim loại	Cao: 12 Dài: 35 Rộng: 6,8 Trục tán: ĐK 8	Nguyên	Thế kỷ 21	
42	8999-9000	Thuyền tán thuốc	Thuyền tán thuốc, chất liệu đá nguyên khối, đáy dưới thân tạo 4 chân choãi đỡ thân thuyền. Trực tán hình tròn bằng đá, chính giữa khoét lỗ gắn tay cầm bằng gỗ 2 bên là nơi tỳ lực tán thuốc ở lòng thuyền.	02	Đá	Cao: 21,5 Dài: 65 Rộng: 25 Trục tán: ĐK 23	Nguyên	Thế kỷ 19	
43	9001-9002	Thuyền tán thuốc	Thuyền tán thuốc, chất liệu kim loại, gồm thuyền tán và trực tán. Thuyền tán có lòng rỗng, 2 thành vát tạo chữ V, 1 đầu tạo gờ liền với thành thuyền và 1 đầu để hờ dùng đổ thuốc ra khi tán xong, dưới thân thuyền tạo 4 chân choãi để cố định thân thuyền. Trực tán hình tròn bằng kim loại, chính giữa tạo lỗ gắn 2 tay trực gỗ 2 bên là nơi tỳ lực tán thuốc ở lòng thuyền.	02	Kim loại, gỗ	Cao: 23,5 Dài: 72 Rộng: 15 Trục tán: ĐK 29	Nguyên	Thế kỷ 19	








Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
44	9003	Dao cầu	Dao cầu gồm lưỡi dao dạng hình chữ nhật, chất liệu kim loại; chuôi dao bằng gỗ; bàn đỡ bằng gỗ phẳng hình chữ nhật, trên gắn 2 giá sắt thẳng đứng, một giá kim loại dạng chạc chữ Y, phần giao nhau tạo 1 chốt để cố định 1 điểm trên lưỡi dao, phần trên loe vừa sống dao để di chuyển dao khi cắt thuốc, giá còn lại là 1 thanh sắt lõm phần trên tạo giá đỡ phần đuôi lưỡi dao. Dao cầu dùng để thái các vị thuốc cứng và yêu cầu thái phiến.	01	Kim loại, gỗ	Cao: 40,5 Đế: 11x36,5	Lưỡi dao han gi	Thế kỷ 19	
45	9004	Dao cầu	Dao cầu gồm lưỡi dao dạng hình chữ nhật vát cong phần chuôi dao, chất liệu kim loại; chuôi dao bằng gỗ; bàn đỡ bằng gỗ phẳng hình thang cân, trên gắn 2 giá sắt thẳng đứng, một giá kim loại dạng chạc chữ Y, phần giao nhau tạo 1 chốt bằng tre để cố định 1 điểm trên lưỡi dao, phần trên loe vừa sống dao để di chuyển dao khi cắt thuốc, giá còn lại là 1 thanh kim loại có khe nhỏ tạo giá đỡ phần đuôi lưỡi dao. Dao cầu dùng để thái các vị thuốc cứng và yêu cầu thái phiến.	01	Kim loại, gỗ	Cao: 34 Đế: 77,5x20	Dao han gi	Thế kỷ 19	
46	9005	Dao cầu	Dao cầu gồm lưỡi dao thẳng, sống dao uốn cong phần sống dao, chất liệu kim loại; chuôi dao bằng gỗ; bàn đỡ bằng gỗ phẳng hình chữ nhật, dưới gắn 2 chân gỗ, mặt trên gắn 2 giá sắt thẳng đứng, một giá kim loại dạng chạc chữ Y, phần giao nhau tạo 1 chốt tròn để cố định 1 điểm trên lưỡi dao, phần trên loe vừa độ rộng của sống dao để di chuyển dao khi cắt thuốc, giá còn lại là 1 thanh kim loại có khe nhỏ tạo giá đỡ phần đuôi lưỡi dao, nối 2 giá là thanh kim loại đặt ngang dọc theo lưỡi dao là bàn kê thuốc. Dùng để thái các vị thuốc cứng và yêu cầu thái phiến.	01	Kim loại, gỗ	Cao: 31 Đế: 78,5x23,5	Lưỡi dao han gi	Thế kỷ 19	
47	9006	Nồi sắc thuốc	Nồi sắc thuốc chất liệu kim loại, không có nắp, cổ cao, thân phình, đáy lồi, màu đen. Vai đúc 2 đường chỉ nổi, thân có 4 ô nhũ đinh (5 chấm tròn nổi).	01	Kim loại	Cao: 11 ĐKM: 16,3 ĐKĐ: 23	Nguyên, không có nắp	Thế kỷ 19	
48	9007	Nồi sắc thuốc	Nồi sắc thuốc chất liệu kim loại, không có nắp, cổ cao gắn 2 tai dọc, màu đen. Vai đúc nổi 2 đường chỉ, bên trong bỏ ô trang trí 6 ô với 9 chấm tròn nổi, thân phình, đáy lồi.	01	Kim loại	Cao: 26 ĐKM: 40,5 ĐKĐ: 48	Nguyên, không có nắp	Đầu Thế kỷ 19	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
49	9008	Nồi đun thuốc	Nồi sắc thuốc chất liệu kim loại, không có nắp, cổ cao, màu đen. Vai đúc nổi 2 đường chỉ, bên trong bố 6 ô trang trí với 9 chấm tròn nổi, thân đúc nổi 4 ô nhũ đỉnh (5 chấm tròn nổi), đáy lồi.	01	Kim loại	Cao: 26 ĐKM: 18 ĐKĐ: 26	Nguyên, không có nắp	Đầu Thế kỷ 19	
50	9009	Nồi đun thuốc	Nồi sắc thuốc chất liệu kim loại, không có nắp, cổ loe cao, màu đen. Vai đúc nổi 3 đường chỉ nổi, bên trong bố 4 ô trang trí với 9 chấm tròn nổi, và 1 hình thằn lằn, thân phình, đáy lồi.	01	Kim loại	Cao: 25 ĐKM: 44,2 ĐKĐ: 49	Nguyên, không có nắp	Đầu Thế kỷ 19	
51	9010	Nồi đun thuốc	Nồi sắc thuốc, không có nắp, cổ cao, vai xuôi, thân hình cầu, vai đúc nổi 2 đường chỉ nổi trong 2 ô nhũ đỉnh với 9 chấm tròn nổi, thân bố ô đúc nổi 2 chữ thọ tròn đối xứng nhau, đáy bằng.	01	Kim loại	Cao: 21,5 ĐKM: 23 ĐKĐ: 24,5	Nguyên, không có nắp	Lê Trung Hưng (Thế kỷ 17-18)	
52	9011	Sanh	Sanh miệng loe, lòng sâu, thành vát, đáy bằng, gờ miệng gắn 2 quai hình chữ U ngược, màu đen.	01	Kim loại	Cao: 21,5 ĐKM: 45,5 ĐKĐ: 36	Gờ miệng sứt	Thế kỷ 19	
53	9012-9013	Cối và chày tán thuốc	Bộ chày và cối tán thuốc chất liệu kim loại, gồm cối và chày tán thuốc, vai cối gắn 2 tai dọc hình mặt thú, đáy bằng. Chày tán thuốc dạng hình trụ tròn loe dần về đầu tán thuốc.	02	Đá	Chày 22,5; Cao: 15,2 ĐKM: 7 ĐKĐ: 6,5	Nguyên, không có nắp	Thế kỷ 18-19	
54	9014-9015	Cối và chày tán thuốc	Bộ chày và cối tán thuốc chất liệu kim loại, gồm cối có nắp và chày tán. Cối miệng loe, thân phình hình bầu dục. Thân khắc chìm 7 dòng chữ Hán và hình người đứng. Nắp cối khum, chính giữa tạo lỗ tròn. Chày tán thuốc với phần tay cầm nhỏ dài hình trụ tròn, đầu tán thuốc loe tròn to. Khi tán thuốc chày tán xỏ qua lỗ tròn trên nắp, đầu to bên trong cối tán, tay cầm và đầu nhỏ dài qua nắp là nơi cầm tỳ lực tán thuốc. Xuất xứ Trung Quốc.	02	Kim loại	Chày: Dài 23; Cao: 14 ĐKM: 6,8 ĐKĐ: 6,8 ĐKN: 6,5	Nguyên	Thế kỷ 19	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
55	9016-9017	Cối và chày tán thuốc	Bộ chày và cối tán thuốc chất liệu kim loại, gồm cối có nắp và chày tán. Cối miệng loe, thân hình bầu dục. Thân khắc chìm 8 dòng chữ Hán và hình người đứng. Nắp cối khum, chính giữa tạo lỗ tròn. Chày tán thuốc với phần tay cầm nhỏ dài hình trụ tròn, đầu tán thuốc loe tròn to. Khi tán thuốc chày tán xô qua lỗ tròn trên nắp, đầu to bên trong cối tán, tay cầm và đầu nhỏ dài qua nắp là nơi cầm tỷ lực tán thuốc. Xuất xứ Trung Quốc.	02	Kim loại	Chày: Dài 24,5; Cao: 17,5 ĐKM: 10,2 ĐKD: 8,8 ĐKN: 8,5	Nguyên	Thế kỷ 19	
56	9018-9019	Cối và chày tán thuốc	Bộ chày và cối tán thuốc chất liệu kim loại, gồm chày và cối. Cối miệng loe, thành vát, đáy bằng, gờ miệng tạo miệng rớt. Chày hình trụ tròn, phần tay cầm thu nhỏ ở giữa và loe dần ra 2 bên.	02	Kim loại	Chày: Dài 20; ĐK 3,8 Cao: 13 ĐKM: 18,3 ĐKD: 10,5	Nguyên	Thế kỷ 19	
57	9020	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 15 thanh kim loại xuyên các viên tính, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 3 Dài: 40 Rộng: 17,3	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
58	9021	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy kín, lòng gắn 15 thanh kim loại xuyên các viên tính, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 2,5 Dài: 40 Rộng: 18	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
59	9022	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy kín, lòng gắn 11 thanh tre xuyên các viên tính, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ	Cao: 3 Dài: 28 Rộng: 16,6	Mất chốt kim loại trên thanh	Thế kỷ 19-20	
60	9023	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 15 thanh kim loại xuyên các viên tính, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 3 Dài: 42 Rộng: 18,5	Nguyên	Thế kỷ 19-20	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
61	9024	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, lòng gắn 15 thanh tre xâu các viên tính. chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ	Cao: 23 Dài: 42,5 Rộng: 17	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
62	9025	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 13 thanh tre (có 2 thanh nhôm) xâu các viên tính, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ	Cao: 2,5 Dài: 26 Rộng: 14	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
63	9026	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 13 thanh tre và thanh nhôm xâu các viên tính, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ	Cao: 3 Dài: 35,5 Rộng: 17,5	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
64	9027	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 13 thanh kim loại xâu các viên tính gỗ, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 2,5 Dài: 37 Rộng: 18	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
65	9028	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 13 thanh tre xâu các viên tính gỗ, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc. Đáy hờ.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 3 Dài: 37,5 Rộng: 17	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
66	9029	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 15 thanh tre và kim loại xâu các viên tính gỗ, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 3 Dài: 42 Rộng: 18	Nguyên	Thế kỷ 19-20	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
67	9030	Bàn tính	Bàn tính gỗ, hình chữ nhật, đáy hờ, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ dọc theo thanh tính, lòng gắn 17 thanh kim loại xuyên các viên tính gỗ, chia 2 phần bằng thanh gỗ ngang, hai đầu được bịt kim loại, phần trên mỗi thanh có 2 viên tính, phần dưới mỗi thanh có 5 viên, đều có thể di chuyển lên xuống. 4 góc bàn tính được bọc kim loại. Trước đây được sử dụng để tính tiền thuốc.	01	Gỗ, Kim loại	Cao: 3 Dài: 48 Rộng: 19	Nguyên	Thế kỷ 19-20	
68	9031	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng rỗng không chia ngăn. Mặt ngoài sơn then phủ bóng, mặt trong để mộc, lòng nắp sơn then vẽ hoa mai và chim, hai bên có 7 chữ Hán viết theo lối Thảo văn, diềm xung quanh chạm nổi, sơn son băng hồi văn chữ T. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại. Dùng đựng thuốc khi đi khám bệnh.	01	Gỗ	Dài: 36 Rộng: 20 Cao: 17,5	Bong tróc sơn thép	Thế kỷ 19	
69	9032	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng chia 2 ngăn, với ngăn trên nông tạo gờ chia các ô đặt các vị thuốc nhỏ, ngăn dưới đặt các dụng cụ khám chữa bệnh và các vị thuốc to hơn. Mặt ngoài sơn then phủ bóng, mặt trong sơn son, trên nắp vẽ trang trí thép vàng đề tài tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai), diềm vẽ hoa lá, chạm nổi, sơn son bổ ô trang trí hoa lá dây. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại. Dùng đựng thuốc khi đi khám bệnh.	01	Gỗ	Dài: 34 Rộng: 19 Cao: 18	Bong tróc sơn thép	Thế kỷ 19	
70	9033	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, hai bên có gắn quai ngang bằng kim loại, mặt ngoài sơn then khắc lõm hoa cúc đại đóa, lòng tráp rỗng không chia ngăn, lòng nắp sơn son để trơn không trang trí. Mặt ngoài sơn then phủ bóng, mặt trong sơn son. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại. Dùng đựng thuốc khi đi khám bệnh.	01	Gỗ	Dài: 49 Rộng: 27,5 Cao: 22,5	Bong tróc sơn thép	Thế kỷ 19	
71	9034	Tráp thuốc	Tráp thuốc, chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng chia 2 ngăn, với ngăn trên nông tạo gờ chia các ô đặt các vị thuốc nhỏ, ngăn dưới đặt các dụng cụ khám chữa bệnh và các vị thuốc to hơn. Mặt ngoài sơn then phủ bóng, mặt trong sơn son để trơn không trang trí, nắp sơn then, để trơn, diềm sơn son. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại. Dùng đựng thuốc khi đi khám bệnh.	01	Gỗ	Dài: 37 Rộng: 22 Cao: 19,5	Bong tróc sơn thép, mặt nắp nứt	Thế kỷ 19	
72	9035	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng chia 2 ngăn, với ngăn trên nông tạo gờ chia các ô đặt các vị thuốc nhỏ, ngăn dưới đặt các dụng cụ khám chữa bệnh và các vị thuốc to hơn. Mặt ngoài sơn then, lòng sơn son để trơn không trang trí. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại. Dùng đựng thuốc khi đi khám bệnh.	01	Gỗ	Dài: 33 Rộng: 19 Cao: 14	Bong tróc sơn thép, mặt nắp nứt	Thế kỷ 19	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
73	9036	Tráp thuốc	Tráp thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, lòng tráp rỗng không chia ngăn. Mặt ngoài và trong sơn then phủ bóng, diềm lòng nắp thép vàng, để trơn không trang trí. Nắp và thân 1 cạnh được gắn bản lề và 1 cạnh gắn chốt khoá bằng kim loại. Dùng đựng thuốc khi đi khám bệnh.	01	Gỗ	Dài: 51 Rộng: 33 Cao: 45,5	Bong tróc sơn thép, mặt nắp nứt	Thế kỷ 19	
74	9037	Nậm hoa lam	Nậm gốm hoa lam, cổ cao, vai ngang, thân phình, thuôn dần về đáy, đáy lõm, phủ men, để trơn không trang trí. Vai và thân trang trí vân mây.	01	Gốm	Cao: 25 ĐKM: 4 ĐKĐ: 11,7	Nguyên	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	
75	9038	Ấm men ngọc	Ấm men ngọc, cổ loe cao, vai gắn 1 quai hình gấu trúc và 2 vòi hình đầu gà. Thân phình, bỏ 8 ô quả bí để trơn trang trí, đế bằng để mộc.	01	Gốm	Cao: 25 ĐKM: 5 ĐKĐ: 10	Sửa vòi	Cuối Thế kỷ 20	
76	9039	Hũ có nắp	Hũ có nắp cổ đứng, vai phình, thân hình cầu, đáy bằng. Vai và thân trang trí 2 băng hoa văn hình hoa 5 cánh. Giữa vai và thân ngăn cách bằng 3 đường chỉ khắc lõm. Đựng thuốc.	01	Sành	Cao: 16 ĐKM: 4,5 ĐKĐ: 10,5 ĐKN: 6	Sứt miệng	Thế kỷ 17-18	
77	9040	Nậm (Nai)	Nậm cổ cao, vai xuôi, thân phình, thuôn dần về đáy. Thân để trơn không trang trí, vai khắc 1 đường chỉ chìm, đáy bằng.	01	Sành	Cao: 14 ĐKM: 2,5 ĐKĐ: 5,5	Nguyên	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	
78	9041	Nậm (Nai)	Nậm cổ cao, vai xuôi, thân phình, thuôn dần về đáy. Thân để trơn không trang trí, vai khắc 1 đường chỉ chìm, đáy bằng.	01	Sành	Cao: 14,5 ĐKM: 2 ĐKĐ: 7	Nguyên	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	
79	9042	Nậm (Nai)	Nậm cổ cao, vai xuôi, thân phình, thuôn dần về đáy. Thân để trơn không trang trí, vai khắc 1 đường chỉ chìm, đáy bằng.	01	Sành	Cao: 16 ĐKM: 2 ĐKĐ: 6	Nguyên	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
80	9043	Nậm (Nai)	Nậm cổ cao, vai xuôi, thân phình, thuôn dần về đáy. Thân để trơn không trang trí, vai khắc 1 đường chỉ chìm, đáy bằng.	01	Sành	Cao: 14,5 ĐKM: 2 ĐKĐ: 4,7	Nguyên	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	
81	9044	Nậm (Nai)	Nậm cổ cao, vai xuôi, thân phình, thuôn dần về đáy. Thân để trơn không trang trí, vai khắc 1 đường chỉ chìm, đáy bằng.	01	Sành	Cao: 14,5 ĐKM: 2,5 ĐKĐ: 6	Nguyên	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	
82	9045	Ấm	Ấm không có nắp, cổ ngắn, thân phình, thuôn dần về đáy, vai gắn vòi quai. Dùng đựng các thuốc quý cứu người bệnh nặng: sâm, nhung, quý, phụ để hời dương cứu nghịch.	01	Sành	Cao: 6 ĐKM: 2 ĐKĐ: 3	Sứt quai	Thế kỷ 16	
83	9046	Ấm	Ấm không có nắp, cổ ngắn, thân phình, thuôn dần về đáy, vai gắn vòi quai. Dùng đựng các thuốc quý cứu người bệnh nặng: sâm, nhung, quý, phụ để hời dương cứu nghịch.	01	Sành	Cao: 6 ĐKM: 2,5 ĐKĐ: 4	Nguyên	Thế kỷ 16	
84	9047	Ấm	Ấm không có nắp, cổ ngắn, thân phình, thuôn dần về đáy, vai gắn vòi và 1 quai dọc. Dùng đựng các thuốc quý cứu người bệnh nặng: sâm, nhung, quý, phụ để hời dương cứu nghịch.	01	Sành	Cao: 5 ĐKM: 2 ĐKĐ: 4	Nguyên	Thế kỷ 16	
85	9048	Lọ	Hũ không có nắp, men rạn trắng xám, cổ trụ, vai xuôi, thân phình thuôn dần về đáy, đáy lõm để mộc. Dùng đựng các thuốc quý như thần sa, chu sa.	01	Gốm	Cao: 9 ĐKM: 4 ĐKĐ: 5	Sứt đáy, tróc men	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
86	9049	Lọ	Hũ không có nắp, men rạn trắng xám, cổ trụ, vai xuôi, thân phình thuôn dần về đáy, đáy lõm để mộc. Dùng đựng các thuốc quý như thần sa, chu sa.	01	Gốm	Cao: 9 ĐKM: 4 ĐKĐ: 4,5	Sứt đáy, tróc men	Thế kỷ 17- 18 (Lê Trung Hung)	
87	9050	Lọ	Hũ không có nắp, men rạn trắng ngà, cổ ngắn, vai xuôi, thân phình thuôn dần về đáy, đáy lõm để mộc. Dùng đựng các thuốc quý như thần sa, chu sa.	01	Gốm	Cao: 8,5 ĐKM: 3,7 ĐKĐ: 5	Sứt đáy, tróc men	Thế kỷ 17- 18 (Lê Trung Hung)	
88	9051	Bình	Bình miệng loe hình phễu, thân phình hình cầu, thuôn dần về đáy, đáy lõm để mộc.	01	Sành	Cao: 11,8 ĐKM: 8 ĐKĐ: 8	Nguyên	Thế kỷ 19	
89	9052	Bình vôi	Bình vôi, nắp hình nấm liên thân, cổ trụ, vai xuôi, thân phình thon dần về đáy, đế bằng. Thân khoét 1 lỗ tròn là nơi lấy vôi. Xuất xứ Lò Phước Tích.	01	Sành	Cao: 14 ĐKM: 6,6 ĐKĐ: 8,5	Sứt nắp	Thế kỷ 19	
90	9053	Chum	Chum sành, miệng khum, vai ngang, thân phình thuôn dần về đáy, đáy bằng. Vai khắc lõm 1 đường chỉ tròn.	01	Sành	Cao: 13 ĐKM: 8 ĐKĐ: 7,5	Nguyên	Thế kỷ 19	
91	9054	Ấm cánh sen	Ấm có nắp, cổ đứng, thân phình thuôn dần về đáy, nắp hình chòm cầu giạt cấp, vai đúc nổi bằng cánh sen và chấm dải, gắn 4 núm dọc hình khuyên, vòi cao, quai cong.	01	Kim loại	Cao: 19 ĐKM: 7 ĐKĐ: 12	Nguyên	Thế kỷ 15- 16 (Lê Sơ)	







Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
92	9055	Ấm cánh sen	Ấm có nắp, cổ đứng, thân hình tròn dần về đáy, nắp hình chòm cầu giạt cấp, vai đúc nổi bằng cánh sen và chấm dải, gắn 4 núm dọc hình khuyên, vòi cao quai cong.	01	Kim loại	Cao: 21,5 ĐKM: 9 ĐKĐ: 16	Nguyên	Thế kỷ 15-16 (Lê Sơ)	
93	9056	Ấm cánh sen	Ấm có nắp, cổ đứng, thân hình tròn dần về đáy, nắp hình chòm cầu giạt cấp, vai đúc nổi bằng cánh sen và chấm dải, gắn 4 núm dọc hình khuyên, vòi cao quai cong.	01	Kim loại	Cao: 16,5 ĐKM: 6,5 ĐKĐ: 12,5	Nguyên	Thế kỷ 15-16 (Lê Sơ)	
94	9057	Cân	Cân chất liệu kim loại, trên mặt có ghi "FORCE" "10 KILOG". cấu tạo gồm các bộ phận: bàn cân, đĩa cân, trục hãm, đòn cân, cột cân, kim thước đo thăng bằng, ốc điều chỉnh thăng bằng, ốc điều chỉnh đòn cân thăng bằng. Đây là loại cân đĩa Roberval, sử dụng quả cân để cân trọng lượng tương đương của vật ở đĩa cân đối diện, đây là dụng cụ thường dùng của người bào chế thuốc.	01	Kim loại	Cao: 18 Dài: 54 Rộng: 22	Han gi, mất đĩa cân	Đầu thế kỷ 20	
95	9058	Cân	Cân chất liệu kim loại trên mặt có ghi "FORCE" "2 KILOG", cấu tạo gồm các bộ phận: bàn cân, đĩa cân, trục hãm, đòn cân, cột cân, kim thước đo thăng bằng, ốc điều chỉnh thăng bằng, ốc điều chỉnh đòn cân thăng bằng. Đây là loại cân đĩa Roberval, sử dụng quả cân để cân trọng lượng tương đương của vật ở đĩa cân đối diện, đây là dụng cụ thường dùng của người bào chế thuốc.	01	Kim loại	Cao: 14 Dài: 37 Rộng: 16	Han gi	Đầu thế kỷ 20	
96	9059	Cân	Cân đòn làm bằng kim loại, gồm cán cân, quả cân và đĩa cân hoạt động theo nguyên tắc đòn bẩy, quả cân loại 5kg. Vạch khắc đầu tiên trên cân đòn là "định bàn tinh" vị trí của nó là điểm treo của quả cân với móc cân khi quả cân ở vị trí cân bằng. Cân đòn được sử dụng nhiều thời kỳ bao cấp.	01	Kim loại	Dài: 34 ĐK đĩa: 22	Han gi	Đầu thế kỷ 20	
97	9060	Cân	Cân đòn làm bằng kim loại, gồm cán cân, quả cân và đĩa cân hoạt động theo nguyên tắc đòn bẩy, quả cân loại 3kg. Vạch khắc đầu tiên trên cân đòn là "định bàn tinh" vị trí của nó là điểm treo của quả cân với móc cân khi quả cân ở vị trí cân bằng. Cân đòn được sử dụng nhiều thời kỳ bao cấp.	01	Kim loại	Dài: 36 ĐK đĩa: 21	Han gi	Đầu thế kỷ 20	





Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
98	9061-9070	Bộ quả cân	Gồm giá gỗ đặt quả cân các loại kích thước và 10 quả cân, hình trụ tròn, kích cỡ trọng lượng từ nhỏ đến lớn.	10	Kim loại	ĐK: 0,8-4,5	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	
99	9071-9075	Bộ Nghiên mực và bút lông, ống đựng bút	Nghiên mực chất liệu đá, hình chữ nhật vát cong 1 đầu, đầu trên tạo rãnh sau đặt các thanh mực, đầu dưới tạo ô vát hình chữ U, là nơi mài mực. Ống bút thân dạng con tiện, miệng loe, lòng rỗng là nơi cắm bút lông, để tròn thắt cổ bông loe giặt cấp về đáy. Bút lông gồm 2 phần thân làm từ ống trúc nhỏ, đầu gắn lông dùng chấm mực khi viết.	05	Đá, Gỗ	Nghiên: Dài 20, Rộng 15, Cao 7; Ống bút: Cao 17-18, ĐKM 5-6, ĐKD 7 Bút: Dài 21,5-23	Ống bút bong tróc sơn	Thế kỷ 19	
100	9076	Sách thuốc "Tân San phổ tế lương phương"	Sách thuốc "Tân San phổ tế lương phương" in chữ Hán trên giấy dó, khổ chữ nhật dọc, trang đầu có tên sách ở giữa, bên trái ghi dòng chữ Hán "Hà Nội Ngọc Sơn Từ tàng bản", bên phải ghi năm xuất bản "Tự Đức át hợi mạnh hạ"	01	Giấy	Dài: 26,5 Rộng, 16,5 Dày: 1,5	Quần góc, rách diềm	Tự Đức át hợi mạnh hạ (1875)	
101	9077	Sách thuốc "Nghiệm phương tân biên"	Sách thuốc "Nghiệm phương tân biên" quyển 1, in chữ Hán Nôm giấy dó, khổ chữ nhật dọc, trang đầu có tên sách ở giữa, 2 bên trái phải mỗi bên ghi 1 dòng chữ Hán.	01	Giấy	Dài: 20 Rộng, 13 Dày: 1,1	Quần góc, rách diềm	Thế kỷ 19	
102	9078	Sách thuốc	Sách in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi các vị thuốc trong Đông y. Sách bị mất bìa và nhiều trang nội dung.	01	Giấy	Dài: 21 Rộng, 15,3 Dày: 1,2	Mất bìa, mất trang	Thế kỷ 19	
103	9079	Sách thuốc	Sách in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi các vị thuốc bằng chữ Hán, có ghi chú thích bằng chữ đỏ "Sách chữa bệnh trẻ em"	01	Giấy	Dài: 20 Rộng, 13 Dày: 0,6	Mất bìa, mất trang, rách diềm, quần góc	Thế kỷ 19	






Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
104	9080	Sách thuốc "Tăng Bộ bản thảo bị yếu nguyên bản"	Sách "Tăng Bộ bản thảo bị yếu nguyên bản", in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi các vị thuốc bằng chữ Hán.	01	Giấy	Dài: 20 Rộng, 13 Dày: 1,1	Rách diềm, quần góc, rách và mất trang	Thế kỷ 19	
105	9081	Sách thuốc "Phùng thị tạp chứng"	Sách "Phùng thị tạp chứng" quyển 9, 10, in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi các chứng bệnh tổng hợp, phổ biến của thầy thuốc họ Phùng.	01	Giấy	Dài: 24,8 Rộng, 16 Dày: 1,3	Rách diềm, quần góc, rách và mất trang	Thế kỷ 19	
106	9082	Sách thuốc "Nghiem phương tân biên"	Sách thuốc "Nghiem phương tân biên" quyển 7, in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi các phương thuốc.	01	Giấy	Dài: 20 Rộng, 13 Dày: 1	Quần góc, rách diềm	Thế kỷ 19	
107	9083	Sách thuốc	Sách in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi các vị thuốc trong Đông y. Sách bị mất bìa và nhiều trang nội dung.	01	Giấy	Dài: 16,3 Rộng, 11,2 Dày: 1	Mất trang, mất chữ, Quần góc, rách diềm	Thế kỷ 19	
108	9084	Sách thuốc	Sách in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng, nội dung ghi về nhãn khoa, có nhiều hình vẽ minh họa về mắt. Sách bị mất bìa và nhiều trang nội dung.	01	Giấy	Dài: 16 Rộng, 11,3 Dày: 1,1	Mất trang, mất chữ, Quần góc, rách diềm	Thế kỷ 19	
109	9085	Sách thuốc "Biện chứng kỳ văn"	Sách in "Biện chứng kỳ văn", in chữ Hán trên giấy dó, khổ hình chữ nhật đứng.	01	Giấy	Dài: 20 Rộng, 13,3 Dày: 1,2	Quần góc	Thế kỷ 19	






Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
110	9086	Bát cánh cúc	Bát sâu lòng, thành vát, đáy thấp, gờ đế để mộc, lòng để tô nâu, men trắng xám, lòng bát để trơn, giữa lòng có 4 dấu con kê, thành ngoài bát in hình cánh hoa cúc.	01	Gốm	Cao: 7 ĐKM: 15,8 ĐKĐ: 5,7	Sứ miệng, đã được gia cố	Thế kỷ 13-14 (Lý - Trần)	
111	9087	Bát men nâu	Bát men nâu, miệng loe, thành cong, lòng sâu, đáy nhỏ thấp, gờ đế để mộc, giữa lòng có dấu vẽ lòng (dấu con kê), toàn thân không trang trí hoa văn.	01	Gốm	Cao: 6 ĐKM: 16 ĐKĐ: 5,5	sứ nhỏ ở miệng	Thế kỷ 14-15 (Thời Trần)	
112	9088	Bát men trắng xám	Bát men trắng xám, miệng loe, lòng sâu, thành vát, đế thấp, lòng để mộc. Toàn thân không trang trí hoa văn. Lòng bát có đường chỉ chìm dưới men. Xuất xứ Trung Quốc.	01	Gốm	Cao: 6,2 ĐKM: 18 ĐKĐ: 6,8	Nguyên	Thế kỷ 9-10	
113	9089	Bát men trắng ngà vẽ nhiều màu	Bát men trắng ngà, miệng loe, lòng sâu, thành vát, chân đế rộng thấp. Lòng vẽ hình hoa lá, nhiều màu, giữa lòng có dấu ve lòng (con kê). Viền đế để mộc. Xuất xứ Lái Thiêu.	01	Gốm	Cao: 7,5 ĐKM: 21 ĐKĐ: 10	Sứ miệng	Đầu Thế kỷ 20	
114	9090	Bát hoa lam	Bát hoa lam, sâu lòng, miệng loe, thành cong, chân đế nhỏ, thấp, lòng bát để trơn, thành ngoài vẽ hình hoa lá cách điệu và chữ song hỷ. Viền đế để mộc.	01	Gốm	Cao: 5,5 ĐKM: 11,8 ĐKĐ: 5	Nguyên	Thế kỷ 18	
115	9091	Bát hoa lam	Bát hoa lam (chiết yếu), sâu lòng, miệng loe, thành vát, giạt cấp, đế nhỏ, thấp, lòng bát bỏ ô trang trí hoa lá và hoa 6 cánh. Thành ngoài vẽ hoa lá cách điệu. Viền đế để mộc.	01	Gốm	Cao: 9 ĐKM: 19,2 ĐKĐ: 5,7	Nguyên	Đầu thế kỷ 20	



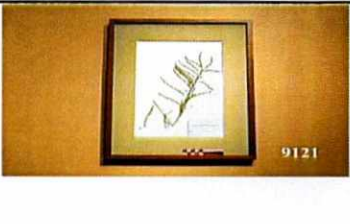


Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
116	9092	Chum	Chum sành, cổ cao, vai xuôi, thân phình thon dần về đáy, đáy bằng, màu nâu. Vai đắp nổi 4 núm ngang và 3 đường chỉ nổi. Cổ, vai, thân trang trí các băng hoa văn vạch gạch song song, sóng nước (thủy ba)	01	Sành	Cao: 45,5 ĐKM: 20 ĐKĐ: 30,5	Miệng méo, mắt 1 núm	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	 9092
117	9093	Chum	Chum sành, cổ cao, vai xuôi, thân phình thon dần về đáy, đáy bằng, màu nâu đen. Vai đắp nổi 4 núm ngang và 3 đường chỉ nổi, cổ vai thân trang trí các băng hoa văn vạch gạch song song, sóng nước (thủy ba)	01	Sành	Cao: 53 ĐKM: 19 ĐKĐ: 28	Sứt đế	Thế kỷ 17-18 (Lê Trung Hưng)	 9093
118	9094	Tủ thuốc	Tủ thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, 6 chân trụ, màu cánh gián. Phần trên với nóc tủ, khung và lưng tủ bằng gỗ, 2 bên hông lắp kính, mặt trước tạo 2 bộ cánh cửa kính với 4 cánh có núm tròn đóng mở, khung giữa và 2 bên mỗi cánh cửa gắn 3 bản lề; lòng chia 3 ngăn để đựng các hũ thuốc có móc. Tương ứng phần dưới cũng tạo 2 bộ cánh cửa gỗ với 4 cánh, mỗi cánh với 2 bản lề và 1 núm tròn đóng mở. Toàn bộ tủ soi gờ kẻ chỉ, để trơn không trang trí.	01	Gỗ	Cao: 198 Sâu: 38 Rộng: 196	Nguyên	Thế kỷ 21	 9094
119	9095	Hũ	Hũ sành màu đỏ gạch, miệng đứng, gờ miệng phẳng, cổ thấp, vai xuôi, thân phình thon dần về đáy, đáy bằng. Vai đắp nổi 4 núm ngang và khắc 2 đường chỉ chìm. toàn thân không trang trí hoa văn.	01	Sành	Cao: 26 ĐKM: 16,2 ĐKĐ: 17,5	Sứt 1 núm	Thế kỷ 15-16 (Lê Sơ)	 9095
120	9096	Hũ	Hũ sành màu nâu, miệng loe, gờ miệng phẳng, cổ thấp, vai xuôi, thân phình thon dần về đáy, đáy bằng. Vai đắp nổi 4 núm ngang. toàn thân không trang trí hoa văn. Xuất xứ Trung Quốc	01	Sành	Cao: 29,7 ĐKM: 17 ĐKĐ: 16,2	Nguyên	Thế kỷ 9-10 (Thời Đường)	 9096
121	9097	Chum	Chum sành màu nâu, miệng khum, gờ miệng vê tròn, vai xuôi, thân phình thon dần về đáy, đáy bằng. Vai đắp nổi 4 núm ngang và 4 đường chỉ nổi, toàn thân không trang trí hoa văn.	01	Sành	Cao: 29 ĐKM: 14,5 ĐKĐ: 16,5	Nguyên	Thế kỷ 14-15 (Thời Trần)	 9097






Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
122	9098	Hũ	Hũ sành phủ men ngọc (có dấu đong men), miệng loe, gờ miệng phẳng, vai xuôi, thân phình thuôn dần về đáy, đáy bằng. Vai đắp nổi 4 núm ngang, toàn thân không trang trí hoa văn. Cổ, vai, thân phủ men, Sát viền chân đế để mộc.	01	Sành	Cao: 29,5 ĐKM: 17,5 ĐKĐ: 19	Nguyên	Thế kỷ 9-10	
123	9099	Chum	Chum sành cổ ngắn, vai phình, thân thuôn, đáy bằng màu nâu đen. Vai đắp 2 đường chỉ nổi, trong trang trí 2 hình cá bơi theo chiều kim đồng hồ, trên vai còn 2 dấu men đong.	01	Sành	Cao: 29,5 ĐKM: 16 ĐKĐ: 18,7	Nguyên	Thế kỷ 14-15 (Thời Trần)	
124	9100	Chum	Chum sành, miệng loe, gờ miệng vát, vai phình, thân thuôn, đáy bằng, màu nâu đen. Vai đắp 2 đường chỉ nổi, 4 núm dọc và 3 bông hoa 8 cánh	01	Sành	Cao: 30,5 ĐKM: 16,5 ĐKĐ: 17	Nguyên	Thế kỷ 14-15 (Thời Trần)	
125	9101	Vò	Vò có nắp, miệng loe, vai thuôn, thân phình hình cầu, đáy bằng, màu đỏ nung (đỏ gạch), vai khắc chìm 1 đường chỉ, toàn thân trang trí hoa văn ô trám lồng.	01	Đất nung	Cao: 31 ĐKM: 23,5 ĐKĐ: 23 ĐKN: 25,5	Nguyên	Thế kỷ 1-3 SCN	
126	9102	Tủ thuốc	Tủ thuốc chất liệu gỗ, hình hộp chữ nhật, 6 chân trụ. Phần trên với nóc tủ, khung và lưng tủ bằng gỗ, 2 bên hông lắp kính, mặt trước tạo 2 bộ cánh cửa kính với 4 cánh có núm tròn đóng mở, khung giữa và 2 bên mỗi cánh cửa gắn 3 bản lề; lồng chia 3 ngăn để đựng các hũ thuốc có mác. Tương ứng phần dưới cũng tạo 2 bộ cánh cửa gỗ với 4 cánh, mỗi cánh với 2 bản lề và 1 núm tròn đóng mở. Toàn bộ tủ soi gờ kẻ chỉ, để trơn không trang trí.	01	Gỗ	Cao: 198,5 Sâu: 41 Rộng: 197	Nguyên	Thế kỷ 21	
127	9103	Tiêu bản cây thuốc - Hy thiêm	Tiêu bản cây Hy Thiêm (tên khoa học là <i>Sigesbeckia orientalis</i> L. - Asteraceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Hy Thiêm: Chữa phong thấp, tê bại nửa người, đau nhức xương khớp, đau lưng, mỏi gối, mụn nhọt, lở ngứa, kinh nguyệt không đều (phần trên mặt đất). Nơi lấy: xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội; Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	





Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
128	9104	Tiêu bản cây thuốc - Húng chanh	Tiêu bản cây thuốc - Húng chanh (tên khoa học là <i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng. – Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Húng chanh: Chữa cảm cúm, ho hen, viêm họng, ho ra máu, sốt cao, sốt không ra mồ hôi, nôn ra máu, chảy máu cam, bọ cạp cắn (lá). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 17/10/2022	
129	9105	Tiêu bản cây thuốc - Lá lốt	Tiêu bản cây thuốc - Lá lốt (tên khoa học là <i>Piper lolot</i> C.DC. - Piperaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Lá lốt: Chữa phong thấp, thấp khớp mạn tính, đau lưng, đau khớp, đau nhức xương, tay chân lạnh tê bại (rễ); rối loạn hệ tiêu hóa, thận và bàng quang lạnh, đau đầu phù thũng (phần trên mặt đất). Nơi lấy: TT. Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 27/8/2022	
130	9106	Tiêu bản cây thuốc - Dâu tằm	Tiêu bản cây thuốc - Dâu tằm (tên khoa học là <i>Morus alba</i> L. - Moraceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Dâu tằm: Chữa phế nhiệt, hen suyễn, tiểu tiện không thông (vỏ rễ); tê thấp, đau thắt lưng (cành); viêm gan mạn tính, thiếu máu, suy nhược thần kinh (quả); sốt, ho, viêm họng, phát ban, cao huyết áp (lá). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
131	9107	Tiêu bản cây thuốc - Cốt khí củ	Tiêu bản cây thuốc - Cốt khí củ (tên khoa học là <i>Keynoum japonica</i> Houtt. - Polygonaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Cốt khí củ: Chữa phong thấp tê bại, đau nhức gân xương, viêm gan cấp, viêm ruột, lỵ, viêm amidal, viêm phổi nhẹ, nhiễm trùng đường niệu, kinh nguyệt khó khăn, rắn cắn, vết đứt và bỏng (rễ củ). Nơi lấy: xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 17/10/2022	
132	9108	Tiêu bản cây thuốc - Địa liên	Tiêu bản cây thuốc - Địa liên (tên khoa học là <i>Kaempferia galanga</i> L. – Zingiberaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Địa liên: Chữa cảm sốt, đau ngực, đau bụng do lạnh, tiêu chảy, ăn uống khó tiêu, ho, nôn mửa, làm thuốc kiện vị (thân rễ). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	





Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
133	9109	Tiêu bản cây thuốc - Cỏ xước	Tiêu bản cây thuốc - Cỏ xước tên khoa học là <i>Achyranthes aspera</i> L. - Amaranthaceae, gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Cỏ xước: Chữa cảm sốt, phong thấp, đau lưng, nhức xương, viêm khớp, sưng gối, kinh nguyệt không đều, ứ huyết trong tử cung (rễ); lở ngứa, sâu bọ độc cắn, bó gãy xương (lá). Nơi lấy: TT. Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 10/10/2022	 9109
134	9110	Tiêu bản cây thuốc - Bạch đồng nữ	Tiêu bản cây thuốc - Bạch đồng nữ (tên khoa học là <i>Clerodendrum chinense</i> (Osbeck) Mabb. - Verbenaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Bạch đồng nữ: Chữa bạch đới, khí hư, di mộng tinh, kinh nguyệt không đều (thân, lá, hoa); bệnh vàng da; đau lưng, phong thấp (rễ). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/08/2022	 9110
135	9111	Tiêu bản cây thuốc - Ngải cứu	Tiêu bản cây thuốc - Ngải cứu (tên khoa học là <i>Artemisia vulgaris</i> L. - Asteraceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Ngải cứu: Chữa cảm sốt, cảm lạnh, nhức đầu, ho; kinh nguyệt không đều, khi có kinh bị đau bụng (phần trên mặt đất), chữa đau nhức xương khớp (lá). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 17/10/2022	 9111
136	9112	Tiêu bản cây thuốc - Ích mẫu	Tiêu bản cây thuốc - Ích mẫu (tên khoa học là <i>Leonurus japonicus</i> Houtt. - Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Ích mẫu: Chữa rong huyết, rối loạn kinh nguyệt, kinh bế, đau bụng kinh; viêm thận (phần trên mặt đất); chữa cao huyết áp, bí tiểu (quả). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 12/12/2022	 9112
137	9113	Tiêu bản cây thuốc - Gai	Tiêu bản cây thuốc - Gai (tên khoa học là <i>Boehmeria nivea</i> (L.) Gaudich. - Urticaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Gai: Làm an thai, tránh nguy cơ sảy thai (rễ củ). Nơi lấy: TT. Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 10/10/2022	 9113






Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
138	9114	Tiêu bản cây thuốc - Xạ can	Tiêu bản cây thuốc - Xạ can (tên khoa học là <i>Belamcanda chinensis</i> (L.) DC. - Iridaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Xạ can: Chữa viêm họng, viêm amidal, ho nhiều đờm, khản tiếng, sốt; đại tiểu tiện không thông; sưng vú tắc tia sữa, đau bụng khi có kinh (thân rễ); rắn cắn (cả cây). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
139	9115	Tiêu bản cây thuốc - Thiên môn đông	Tiêu bản cây thuốc - Thiên môn đông (tên khoa học là <i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr. - Asparagaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Thiên môn đông: Chữa phế ung, hư lao, ho, thổ huyết, tiêu khát, tân dịch hư tổn, táo bón (rễ củ). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 17/10/2022	
140	9116	Tiêu bản cây thuốc - Mã đề	Tiêu bản cây thuốc - Mã đề (tên khoa học là <i>Plantago major</i> L. - Plantagomaceae), gồm rễ, cây lá và hoa, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Mã đề: Chữa ho, viêm khí quản; viêm thận và viêm bàng quang; bí tiểu tiện hay tiểu tiện ra máu, phù thũng (lá, cụm hoa, hạt). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
141	9117	Tiêu bản cây thuốc - Bạc hà	Tiêu bản cây thuốc - Bạc hà (tên khoa học là <i>Mentha avensis</i> L. - Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Bạc hà: Chữa cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi, sốt, viêm họng, ho, giai đoạn đầu của bệnh sởi, sâu răng, trướng bụng, đau bụng đi ngoài, làm thuốc sát trùng, kích thích tiêu hóa, (phần cành lá hay tinh dầu). Nơi lấy: xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
142	9118	Tiêu bản cây thuốc - Cà gai leo	Tiêu bản cây thuốc Cà gai leo (tên khoa học là <i>Solanum procumbens</i> Lour. - Solanaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Cà gai leo: Chữa đau lưng, đau nhức xương, thấp khớp, bệnh về gan (rễ hoặc thân lá); rắn cắn (cả cây); viêm lợi, viêm chân răng (cao lỏng dùng ngậm). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	

Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
143	9119	Tiêu bản cây thuốc - Cam thảo đất	Tiêu bản cây thuốc - Cam thảo đất (tên khoa học là <i>Scoparia dulcis</i> L. – Scrophulariaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Cam thảo đất: Chữa sỏi, tê phù, cảm cúm, lỵ trực tràng, làm thuốc hạ nhiệt, điều kinh, giảm ho (cả cây). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
144	9120	Tiêu bản cây thuốc - Nhân trần	Tiêu bản cây thuốc - Nhân trần (tên khoa học là <i>Adenosma caeruleum</i> R. Br. – Scrophulariaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Nhân trần: Chữa tiểu tiện vàng đục và ít, phụ nữ sau sinh đẻ ăn chậm tiêu; bệnh viêm gan vàng da; làm thuốc tiêu, kích thích ăn uống và bổ máu (cả cây). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
145	9121	Tiêu bản cây thuốc - Diệp hạ châu	Tiêu bản cây thuốc - Diệp hạ châu (tên khoa học là <i>Phyllanthus amarus</i> Schum - Euphorbiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Diệp hạ châu: Chữa viêm gan, vàng da; tắc sữa, trị mụn nhọt lở ngứa ngoài da, mụn nhọt, rần rết cắn; viêm cổ họng, đĩnh râu, mụn nhọt, viêm da thần kinh, lở ngứa, ứ huyết, trẻ em tưa lưỡi (cả cây). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
146	9122	Tiêu bản cây thuốc - Kim tiền thảo	Tiêu bản cây thuốc - Kim tiền thảo (tên khoa học là <i>Desmodium styracifolium</i> (Osbeck) Merr. - Fabaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Kim tiền thảo: Chữa sỏi đường tiết niệu, sỏi mật, viêm gan vàng da, viêm thận phù thũng, nhiệt lâm, thạch lâm (phần trên mặt đất). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 17/10/2022	
147	9123	Tiêu bản cây thuốc - Dành dành	Tiêu bản cây thuốc - Dành dành (tên khoa học là <i>Gardenia augusta</i> (L.) Merr. - Rubiaceae) gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Dành dành: Chữa sỏi đường tiết niệu, sỏi mật, viêm gan vàng da, viêm thận, phù thũng, tiểu đục (nhiệt lâm, thạch lâm) (phần trên mặt đất). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	

Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
148	9124	Tiêu bản cây thuốc - Kinh giới	Tiêu bản cây thuốc - Kinh giới (tên khoa học là <i>Elsholtzia ciliata</i> (Thunb.) Hyland. – Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Kinh giới: Chữa cảm cúm, sốt không đổ mồ hôi, nhức đầu, viêm dạ dày ruột cấp, bại liệt; còn dùng chữa băng huyết, rong huyết, thổ huyết, đại tiện ra máu (phần trên mặt đất). Nơi lấy: TT. Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 27/8/2022	 9124
149	9125	Tiêu bản cây thuốc - Hương nhu trắng	Tiêu bản cây thuốc - Hương nhu trắng (tên khoa học là <i>Ocimum gratissimum</i> L. - Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Hương nhu trắng: Chữa cảm sốt, nhức đầu, đau bụng đi ngoài, nôn mửa, làm ra mồ hôi (cả cây trừ rễ); giải cảm, trừ cúm (lá tươi). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	 9125
150	9126	Tiêu bản cây thuốc - Cối xay	Tiêu bản cây thuốc - Cối xay (tên khoa học là <i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet - Malvaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Cối xay: Chữa mụn nhọt (lá); đau đầu, bí tiểu tiện, phù thũng sau khi đẻ; kết ly, mắt có màng mỏng, tai điếc, sốt (thân, cành, lá, quả). Nơi lấy: Xã Huyền Sơn, Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 25/09/2022	 9126
151	9127	Tiêu bản cây thuốc - Dừa cạn	Tiêu bản cây thuốc - Dừa cạn (tên khoa học là <i>Catharanthus roseus</i> (L) G. Don - Apocynaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Dừa cạn: Chữa huyết áp cao, thiếu năng tuần hoàn não, bệnh máu trắng (hoạt chất của lá và rễ), nước tiểu đỏ và ít (rễ và lá, còn dùng hoa). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	 9127
152	9128	Tiêu bản cây thuốc - Rau sam	Tiêu bản cây thuốc - Rau sam (tên khoa học là <i>Portulaca oleracea</i> L. – Portulacaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Rau sam: Chữa lỵ trực khuẩn, lở ngứa, giun kim, mụn nhọt; viêm kết mạc cấp do vi khuẩn, còn dùng làm thuốc lợi tiểu (phần trên mặt đất). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	 9128

Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
153	9129	Tiêu bản cây thuốc - Gừng	Tiêu bản cây thuốc - Gừng (tên khoa học là <i>Zingiber officinale</i> Rosc. - Zingiberaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Gừng: Chữa cảm mạo, nhức đầu, sổ mũi, ho có đờm, bụng đầy trướng (củ), đau bụng lạnh, tay chân lạnh tê bại, hen suyễn, thấp khớp (gừng khô, gừng sao). Nơi lấy: xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
154	9130	Tiêu bản cây thuốc - Cỏ sữa lá nhỏ	Tiêu bản cây thuốc - Cỏ sữa lá nhỏ (tên khoa học là <i>Euphorbia thymifolia</i> L. - Euphorbiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Cỏ sữa lá nhỏ: Chữa lỵ trực khuẩn, viêm ruột, sán dây, bệnh loét các kẽ giữa các ngón chân do tiếp xúc nhiều với nước (cả cây). Nơi lấy: TT. Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 25/9/2022	
155	9131	Tiêu bản cây thuốc - Hoắc hương	Tiêu bản cây thuốc - Hoắc hương (tên khoa học là <i>Pogostemon Cablin</i> (Blanco) Benth. - Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Hoắc hương: Chữa cảm cúm, cảm nắng, nhức đầu, sổ mũi, nôn mửa, đau bụng, tiêu chảy, ăn không tiêu đầy bụng, ợ khan, hôi miệng (lá, cành và thân). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 12/12/2022	
156	9132	Tiêu bản cây thuốc - Mơ tam thể	Tiêu bản cây thuốc - Mơ tam thể (tên khoa học là <i>Paederia scandens</i> (Lour.) Mer. - Rubiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Mơ tam thể: Chữa trẻ em cam tích, tiêu hóa kém và suy dinh dưỡng, viêm gan vàng da, viêm ruột, lỵ, viêm khí quản, ho gà, lao phổi, viêm da eczema, lở loét, áp xe (cả cây). Nơi lấy: xã Huyền Sơn, Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 25/9/2022	

Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
157	9133	Tiêu bản cây thuốc - Tía tô	Tiêu bản cây thuốc - Tía tô (tên khoa học là <i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt. – Lamiaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Tía tô: Chữa sốt không có mồ hôi, phong hàn, ho nhiều đờm, ngạt mũi, nhức đầu, tiêu hóa kém, nôn mửa, đau bụng, động thai, ngộ độc (lá); ho có đờm, hen suyễn, tê thấp (hạt). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 10/10/2022	
158	9134	Tiêu bản cây thuốc - Đinh lăng	Tiêu bản cây thuốc - Đinh lăng (tên khoa học là <i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms – Araliaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Đinh lăng: Chữa cảm sốt, mụn nhọt, sưng vú, mẩn ngứa, sưng tấy do ngã (lá); ho, kiết lỵ, kích thích tiêu hóa, lợi sữa, chống phù, lợi tiểu và chống độc (rễ). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
159	9135	Tiêu bản cây thuốc - Kim ngân	Tiêu bản cây thuốc - Kim ngân (tên khoa học là <i>Lonicera japonica</i> Thumb. – Caprifoliaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Kim ngân: Chữa mụn nhọt, mề đay, lở ngứa, ban sởi; tả, lỵ; ho do phế nhiệt; cải thiện chuyển hóa chất béo trong tăng lipid máu (hoa sấp nở, cành lá); nhiễm khuẩn (nụ hoa). Nơi lấy: TT. Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 10/10/2022	
160	9136	Tiêu bản cây thuốc - Ké đầu ngựa	Tiêu bản cây thuốc - Ké đầu ngựa (tên khoa học là <i>Xanthium strumarium</i> L. – Asteraceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Ké đầu ngựa: Chữa phong hàn, đau đầu, phong tê thấp, đau khớp; chảy nước hôi, tràng nhạc, mụn nhọt, lở ngứa, bثور cổ; chữa nấm, nấm tóc, hắc bào; eczema, mẩn ngứa (quả và cả cây trừ rễ). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 17/10/2022	

Số Phiếu	Số đăng ký	Tên hiện vật	Khảo tả	Số lượng	Chất liệu	Kích thước (cm)	Hiện trạng	Niên đại	Hình ảnh
161	9137	Tiêu bản cây thuốc - Sâm bố chính	Tiêu bản cây thuốc - Sâm bố chính (tên khoa học là <i>Albelmoschus moschatus</i> Medik. ssp. <i>Tuberosus</i> (Span.) Borss. – Malvaceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Sâm bố chính: Chữa suy nhược, kém ăn, mất ngủ, đau lưng, đau mình, đau dạ dày, các chứng ho, sốt nóng, táo bón, khát nước, gầy còm (rễ củ). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
162	9138	Tiêu bản cây thuốc - Bồ công anh	Tiêu bản cây thuốc - Bồ công anh (tên khoa học là <i>Lactuca indica</i> L. – Asteraceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Bồ công anh: Chữa sưng vú, áp xe, tràng nhạc, mụn nhọt; đau dạ dày, làm thuốc tiêu độc (cả cây). Nơi lấy: TT. Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga.	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 27/8/2022	
163	9139	Tiêu bản cây thuốc - Sài đất	Tiêu bản cây thuốc - Sài đất (tên khoa học là <i>Wedelia chinensis</i> (Osbeck) Merr. - Asteraceae), gồm cành và lá, được sấy khô, đặt trong khung gỗ hình chữ nhật, lót giấy trắng, có bo viền. Công dụng của cây thuốc Sài đất: Dùng nhiều trong các trường hợp tiêu độc, chữa mụn nhọt, lở loét, rôm sảy (toàn bộ phần thân mang lá). Nơi lấy: Xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội. Người giám định: Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Quỳnh Nga	01	Tiêu bản thực vật	Rộng: 47,5 Dài: 60 Dày: 5	Nguyên	TT Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược Liệu lấy mẫu ngày 19/8/2022	
164	9140	Tượng Thiền Sư Tuệ Tĩnh	Tượng Thiền Sư Tuệ Tĩnh, được làm bằng chất liệu composite, toàn thân màu đen. Tượng tạo Thiền sư trong tư thế ngồi trên bệ, đầu trục, tai chày dài, râu dài trước ngực, toàn thân mặc áo thụng tạo nhiều nếp sóng, tay phải đặt úp trên đầu gối, tay trái khoanh trước ngực, lòng bàn tay cầm sách trúc, chân đi giày vải, hai chân đặt trên bục.	01	Composite	Cao: 87, Rộng vai: 30; Chu vi bụng: 110; Rộng gối: 33	Nguyên	Nhóm tác giả Không Hữu Tuyên, Khoa Điêu khắc, ĐH Mỹ Thuật Hà Nội chế tác năm 2019	
165	9141	Tượng Hải Thượng Lãn Ông	Tượng Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác, được làm bằng chất liệu composite, toàn thân màu đen. Tượng tạo Hải Thượng Lãn Ông trong tư thế ngồi trên bệ, đầu trục, tai chày dài, râu dài trước ngực, toàn thân mặc áo thụng tạo nhiều nếp sóng, tay phải cầm quả trứng, tay trái đặt giữa trên đùi, lòng bàn tay cầm lá thuốc, chân đi giày vải, hai chân đặt trên bục.	01	Composite	Cao: 88; Rộng vai: 30; Chu vi bụng: 100; rộng gối: 31.	Nguyên	Nhóm tác giả Không Hữu Tuyên, Khoa Điêu khắc, ĐH Mỹ Thuật Hà Nội chế tác năm 2019	
Tổng cộng				192	Một trăm chín mươi hai tài liệu, hiện vật, tiêu bản				

Số: 04/BB-HĐGD

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH HIỆN VẬT

Đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của Đỗ Văn Hiểu

Căn cứ Thông tư 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa Thông tin về việc: hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ chỉ thị số 84/2008/CT-BVHTTDL ngày 03/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo nhằm thúc đẩy sự ra đời, phát triển của các bảo tàng và sưu tập tư nhân;

Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-SVHTT ngày 27/8/2021 của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội về việc kiện toàn Hội đồng giám định và Tổ đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đơn xin đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của ông Đỗ Văn Hiểu (địa chỉ thường trú: số 19 ngõ 71 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội), trong các ngày từ mùng 06 đến 08 tháng 9 năm 2023, tại Công ty TNHH Đông Đước Phúc Hưng, Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Hội đồng giám định hiện vật của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội tổ chức giám định các hiện vật theo quy định.

1. Thành phần

1.1. Hội đồng giám định hiện và Tổ đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 551/QĐ-SVHTT ngày 27/8/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội:

- Ông Đỗ Đình Hồng, Giám đốc Sở VHTT Hà Nội - Chủ tịch Hội đồng;
- Mời TS. Phạm Quốc Quân, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, Phó Chủ tịch Hội đồng - được giao chủ trì;
- Mời TS. Nguyễn Đình Chiến, Ủy viên Hội đồng giám định cổ vật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Ủy viên Hội đồng;

- TS. Phạm Thị Lan Anh - Trưởng phòng Quản lý Di sản văn hóa, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội - Ủy viên Hội đồng;

- Ths. Dương Ngọc Long - Phó trưởng Phòng Quản lý Di sản văn hóa, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội;

- Ông Nguyễn Đình Trà - Chuyên viên Phòng Quản lý Di sản văn hóa, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội - Thư ký Hội đồng

2. Chủ sở hữu hiện vật – người có đơn đề nghị đăng ký

- Ông Đỗ Văn Hiếu

II. NỘI DUNG

Các thành viên Hội đồng giám định hiện vật của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội đã tiến hành kiểm tra, xem xét trực tiếp các sưu tập hiện vật đồ gốm, sứ, đất nung, sành, kim loại, gỗ, giấy... cùng các tài liệu, hiện vật, hình ảnh giới thiệu về các công đoạn của nghề làm thuốc truyền thống, cũng như các vật dụng liên quan đến việc khám chữa bệnh trong dân gian. Ngoài ra, còn có các trang thiết bị liên quan đến các cửa hàng (hiệu) thuốc truyền thống. Bên cạnh đó, là các sưu tập hiện vật như: nồi, ấm sắc thuốc (đất nung, gốm, kim loại); cối nghiền thuốc (đá), thuyền tán thuốc (đá, kim loại); nậm, hũ, chum, bát đựng thuốc (gốm) ...; các tài liệu, sách cổ viết về các bài thuốc, cách chữa bệnh; các tiêu bản cây thuốc Nam truyền thống đã được ông Đỗ Văn Hiếu dày công nghiên cứu, sưu tầm trong nhiều năm.

Hội đồng đã có những nhận định, đánh giá về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của từng hiện vật theo các tiêu chí quy định tại Điều 4, Luật di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.

III. KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu, xem xét trực tiếp các sưu tập hiện vật là các tác phẩm nghệ thuật của ông Đỗ Văn Hiếu đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia với Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội. Hội đồng giám định hiện vật của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội đã thống nhất:

- Nhất trí với danh mục hiện vật của Phòng Quản lý Di sản văn hóa - Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội đã lập trong quá trình xây dựng hồ sơ hiện vật do ông Đỗ Văn Hiếu đề nghị đăng ký (*có danh mục chi tiết kèm theo*).

- Hội đồng giám định hiện vật của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội thống nhất cấp hồ sơ đăng ký hiện vật với số lượng là: 192 (*một trăm chín mươi hai tài liệu, hiện vật, tiêu bản*) theo danh mục nói trên. Ông Đỗ Văn Hiếu có đủ điều kiện gìn giữ, sử dụng và phát huy giá trị lâu dài. Trong quá trình phát huy giá trị của hiện vật, cần có các biện pháp bảo quản, lưu giữ để đảm bảo hiện vật không bị xuống cấp hoặc thất lạc.



Biên bản này được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản chủ sở hữu hiện vật lưu giữ, 02 bản Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội quản lý.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Nguyễn Đình Trà

**TM. HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH
CHỦ TỊCH**

CHỦ SỞ HỮU HIỆN VẬT




Đỗ Văn Hiếu





**GIÁM ĐỐC
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO HÀ NỘI
Đỗ Đình Hồng**



Các thành viên Hội đồng Giám định:

TS. Phạm Quốc Quân - Phó Chủ tịch Hội đồng giám định.....

TS. Nguyễn Đình Chiến - Ủy viên Hội đồng giám định.....

TS. Phạm Thị Lan Anh - Ủy viên Hội đồng giám định.....

Ths. Dương Ngọc Long - Ủy viên Hội đồng giám định.....